

CUỘC ĐẤU TRANH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN 1945-1946

BÀI 1

Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước (1945 - 1946)

1. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám và chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng

Sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền nhân dân vừa mới được thành lập đã phải đương đầu với những khó khăn, thử thách rất nghiêm trọng. Đất nước bị các thế lực đế quốc, phản động bao vây và chống phá quyết liệt.

Cuối tháng 8 - 1945, theo thoả thuận của Đồng minh ở Hội nghị Pốttxđam (Posdam), gần 20 vạn quân của chính phủ Tưởng Giới Thạch ồ ạt kéo vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Theo chúng là lực lượng tay sai phản động trong hai tổ chức "Việt quốc" (Việt Nam quốc dân Đảng) và "Việt cách" (Việt Nam cách mạng đồng minh hội). Vào Việt Nam, quân Tưởng Giới Thạch còn ráo riết thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, đánh đổ chính quyền cách mạng, lập chính quyền phản động tay sai của chúng. Đảng sau quân Tưởng là đế quốc Mỹ đang nuôi dã tâm đặt Đông Dương dưới chế độ "ủy trị", một trá hình của chế độ thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật đã đồng loã và tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương. Ngày 23-9-1945, được quân Anh giúp sức, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trên đất nước ta lúc đó còn có khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp. Một số quân Nhật đã thực hiện lệnh của quân Anh, cầm súng cùng với quân Anh dọn đường cho quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng ở miền Nam.

Lúc này, các tổ chức phản động "Việt quốc", "Việt cách", Đại Việt ráo riết hoạt động. Chúng dựa vào thế lực bên ngoài để chống lại cách mạng. Chúng quấy nhiễu, phá rối, cướp của, giết người, tuyên truyền, kích động một số người đi theo chúng chống lại chính quyền cách mạng và đòi cải tổ Chính phủ lâm thời và các bộ trưởng là đảng viên cộng sản phải từ chức. Chúng lập chính quyền phản động ở Móng Cái, Yên Bái, Vĩnh Yên. Chưa bao giờ trên đất nước ta có mặt nhiều thù trong, giặc ngoài như lúc này.

Trong lúc đó, ta còn phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về kinh tế, xã hội. Nạn đói ở miền Bắc do Nhật, Pháp gây ra chưa được khắc phục. Ruộng đất bị bỏ hoang. Công nghiệp đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Tình hình tài chính rất khó khăn, kho bạc chỉ có 1,2 triệu đồng, trong đó quá nửa là tiền rách. Ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay tư bản Pháp. Quân Tưởng tung tiền quốc tệ và quan kim gây rối loạn thị trường. 95% số dân không biết chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại hết sức nặng nề.

Trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta. Đất nước bị bao vây bốn phía, vận mệnh dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc". Tổ quốc lâm nguy!

Trước tình hình đó, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã tinh táo và sáng

suốt phân tích tình thế, chiều hướng phát triển của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh mới của dân tộc làm cơ sở để vạch ra chủ trương và giải pháp đấu tranh giữ vững chính quyền, bảo vệ nền độc lập tự do.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, uy tín và địa vị của Liên Xô được nâng cao trên trường quốc tế. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hòa bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ. Ở trong nước, chính quyền nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được kiến lập có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của dân tộc. Lực lượng vũ trang nhân dân đang phát triển. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo khéo léo của Đảng, của Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng trong mặt trận dân tộc thống nhất, quyết tâm giữ vững nền độc lập tự do của dân tộc.

Sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ lâm thời đã nêu ra những việc cấp bách nhằm thực hiện ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc. Chỉ thị nhận định tình hình thế giới và trong nước, chỉ rõ những thuận lợi cơ bản và những thử thách lớn lao của cách mạng nước ta. Trung ương Đảng xác định: Tính chất của "cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"¹. 1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 26-27. . Cuộc cách mạng ấy chưa hoàn thành vì nước ta chưa hoàn toàn độc lập. Khẩu hiệu của ta lúc này vẫn là "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Phân tích âm mưu của các đế quốc đối với Đông Dương, Trung ương nêu rõ "kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng"². 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 26-27.

Vì vậy phải "lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược" mở rộng Mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất Mặt trận Việt - Miên - Lào; kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc cho dân tộc.

Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc nêu ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân cả nước ta lúc nay là "củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân".

Để thực hiện các nhiệm vụ đó Trung ương đề ra các công tác cụ thể:

Về nội chính: xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.

Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài.

Về ngoại giao: kiên trì nguyên tắc "bình đẳng tương trợ", thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu "Hoa - Việt thân thiện" đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và chủ trương "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế" đối với Pháp.

Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà.

2. Xây dựng chế độ dân chủ cộng hòa và tổ chức kháng chiến ở miền Nam

Để sự nghiệp kháng chiến kiến quốc giành được thắng lợi, nhiệm vụ trung tâm là củng cố chính quyền nhân dân. Ngay từ những ngày đầu, Đảng đã chú trọng lãnh đạo, xây dựng nền móng của chế độ dân chủ mới, xóa bỏ toàn bộ tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa, giải tán các đảng phái phản động...

Trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp, bọn đế quốc phản động ra sức ngăn trở, quấy phá, Đảng kiên quyết lãnh đạo, tổ chức cuộc tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 để nhân dân tự mình chọn lựa bầu những đại biểu chân chính của mình vào Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp kỳ thứ nhất đã bầu Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch Chính phủ và trao quyền cho Người lập chính phủ chính thức – Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Tại kỳ họp thứ hai (tháng 11-1946), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quyền làm chủ nước nhà, quyền và nghĩa vụ của mọi công dân được ghi nhận trong Hiến pháp. Nhân dân cũng đã khẩn trương bầu Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân đã bầu Ủy ban hành chính các cấp.

Đảng chỉ đạo tích cực phát triển các đoàn thể yêu nước. Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng, đưa đến sự ra đời của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (tháng 5-1946) gọi tắt là Liên Việt. Các tổ chức quần chúng được củng cố, mở rộng thêm: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... lần lượt ra đời. Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập nhằm đoàn kết những trí thức yêu nước Việt Nam.

Đảng ta coi trọng việc xây dựng và phát triển công cụ bảo vệ chính quyền cách mạng như quân đội, công an. Lực lượng vũ trang tập trung được phát triển về mọi mặt. Cuối năm 1946, lực lượng quân đội thường trực mang tên Quân đội quốc gia Việt Nam có 8 vạn người. Việc vũ trang quần chúng cách mạng, quân sự hoá toàn dân được thực hiện rộng khắp.

Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân, Đảng và Chính phủ phát động thi đua sản xuất; động viên nhân dân tiết kiệm giúp nhau chống giặc đói; thực hiện bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ thực dân; tiến hành tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho nông dân nghèo, chia lại ruộng đất công một cách công bằng, hợp lý; giảm tô 25%, giảm thuế, miễn thuế cho nông dân vùng bị thiên tai; chủ trương cho mở lại các nhà máy do Nhật để lại, tiến hành khai thác mỏ, khuyến khích kinh doanh... Đảng đã động viên nhân dân tự nguyện đóng góp cho công quỹ hàng chục triệu đồng và hàng trăm kilôgam vàng, nền tài chính độc lập từng bước được xây dựng.

Đảng đã vận động toàn dân xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ mọi tệ nạn văn hóa nô dịch của thực dân, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, phát triển phong trào bình dân học vụ để chống nạn mù chữ, diệt "giặc đói". Một năm sau Cách mạng Tháng Tám đã có 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt được khai giảng. Đảng và Chính phủ rất coi trọng khai giảng các trường đại học đã có mở thêm trường đại học mới. "Ngày 10-10-1945 Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 45/SL thành lập một ban Đại học Văn khoa tại Hà Nội" nhằm đào tạo giáo viên văn khoa trung học, và để nâng cao nền văn học Việt Nam cho xứng đáng một nước độc lập và theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

Thắng lợi bước đầu trong cuộc đấu tranh xây dựng nền móng chế độ mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân có ý nghĩa chính trị hết sức to lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ rằng, nếu "nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Nhân dân được hưởng quyền tự do dân chủ, dân sinh càng thêm tin tưởng, gắn bó và quyết tâm bảo vệ chế độ mới. Đó là sức mạnh để bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, là sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng thù trong giặc

ngoài.

Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng tiến công ra các tỉnh Nam Bộ, Thường vụ Trung ương Đảng đã nhất trí với quyết tâm kháng chiến của Xứ uỷ Nam Bộ và kịp thời lãnh đạo nhân dân đứng lên kháng chiến. Trung ương Đảng đã cử một phái đoàn do Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng và nhiều cán bộ tăng cường cho Nam Bộ để cùng Đảng bộ Nam Bộ chỉ đạo kháng chiến. Ngày 25-10-1945, Hội nghị Cán bộ Đảng bộ Nam Bộ họp ở Thiên Hộ - Cái Bè - Mỹ Tho (Tiền Giang). Hội nghị chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng khắp để tiêu hao sinh lực và chặn bước tiến của giặc; xây dựng, củng cố cơ sở cách mạng trong thành phố và các vùng địch chiếm; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, trong đó bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và hệ thống tổ chức, chỉ huy thống nhất. Như vậy, Đảng bộ Nam Bộ đã có những quyết định quan trọng để phát triển chiến tranh nhân dân.

Đảng đã phát động phong trào cả nước hướng về Nam Bộ. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường Nam tiến. Nhân dân miền Nam "thành đồng Tổ quốc" chiến đấu với sức mạnh của chiến tranh nhân dân, sức mạnh của cả dân tộc đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Trong thư Gửi đồng bào Nam Bộ ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng".

Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước (1945 - 1946)

3. Thực hiện sách lược hoà hoãn, tranh thủ thời gian chuẩn bị toàn quốc kháng chiến

Cùng với việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng chế độ mới và tổ chức kháng chiến ở miền Nam, Đảng ta đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, tránh tình thế đương đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

Trên cơ sở phân tích âm mưu thủ đoạn của các kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, Đảng ta xác định: quân Tưởng tìm mọi cách để tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng, song kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Vì vậy, Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện sách lược hoà hoãn, nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung chống Pháp ở miền Nam.

Để gạt mũi nhọn tiến công của kẻ thù vào Đảng, ngày 11-11-1945, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng sự thật là rút vào hoạt động bí mật, giữ vững vai trò lãnh đạo chính quyền và nhân dân. Để phối hợp hoạt động bí mật với công khai, Đảng để một bộ phận công khai dưới danh hiệu Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương.

Chúng ta đã hết sức kiềm chế trước những hành động khiêu khích của quân đội Tưởng và tay sai, tránh để xảy ra xung đột về quân sự, đã ép cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng trong khi nhân dân ta đang bị đói, mở rộng Quốc hội thêm 70 ghế cho Việt quốc, Việt cách không qua bầu cử, đưa một số đại diện của các đảng đối lập này làm thành viên của Chính phủ liên hiệp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mềm dẻo về thực hiện sách lược nhân nhượng trên nguyên tắc: nắm chắc vai trò lãnh đạo của Đảng, giữ vững chính quyền cách mạng, giữ vững mục tiêu độc lập thống nhất, dựa chắc vào khối đại đoàn kết dân tộc, vạch trần những hành động phản dân hại nước của bọn tay sai của Tưởng và nghiêm trị theo pháp luật

những tên tay sai gây tội ác khi có đủ bằng chứng.

Những chủ trương sách lược và biện pháp trên đây đã vô hiệu hoá các hoạt động phá hoại, đẩy lùi từng bước và làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng, bảo đảm cho nhân dân ta tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Chính quyền nhân dân không những được giữ vững mà còn được củng cố về mọi mặt.

Đầu năm 1946, các nước đế quốc dàn xếp, mua bán quyền lợi với nhau để cho thực dân Pháp đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay quân đội của Tưởng. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết ở Trùng Khánh. Theo đó, Pháp nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế cho chính quyền Tưởng trên đất Trung Hoa để Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam. Tưởng nhân nhượng với Pháp để rút quân về nước đối phó với Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Việc dàn xếp giữa hai kẻ thù Pháp và Tưởng được Đảng dự đoán sớm. Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (ngày 25-11-1945) vạch rõ: "trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng".

Tình hình đó đặt Đảng ta trước một sự lựa chọn giải pháp đánh hay hoà. Phân tích tình thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định chọn giải pháp hoà hoãn, dàn xếp với Pháp, vì "vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng".

Chọn giải pháp thương lượng với Pháp, Đảng ta nhằm mục đích: buộc quân Tưởng rút ngay về nước, tránh tình trạng một lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới, tiến lên giành thắng lợi. Lập trường của ta trong cuộc đàm phán với Pháp được Ban Thường vụ Trung ương xác định là: độc lập nhưng liên minh với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của ta: chính phủ, quân đội, nghị viện, tài chính, ngoại giao và sự thống nhất quốc gia của ta. Đảng ta đã nhấn mạnh, trong khi mở cuộc đàm phán ta phải "không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn phải hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần.

BÀI 1: **SỰ BÙNG NỔ VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC(1946-1950)**

Ngay trong quá trình đàm phán ở hội nghị giữa ta và Pháp đang diễn ra ở Phôngtennôbô, Pháp đã mở rộng chiến tranh ra nhiều nơi. Ở chiến trường Nam Bộ, Nam Trung Bộ, địch liên tục tiến công chiếm đóng vùng giải phóng.

Ngay trong quá trình đàm phán ở hội nghị giữa ta và Pháp đang diễn ra ở Phôngtennôbô, Pháp đã mở rộng chiến tranh ra nhiều nơi. Ở chiến trường Nam Bộ, Nam Trung Bộ, địch liên tục tiến công chiếm đóng vùng giải phóng. Tại miền Bắc, tháng 11-1946, chúng ta đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Tháng 12-1946, chúng đánh Đồ Sơn, Đình Lập. Sau các vụ ném lựu đạn vào nhiều khu vực dân cư thành phố, từ giữa tháng 12 trở đi, chúng đã gây hấn nhiều nơi ở Hà Nội. Sự kiện tàn sát nhân dân ta tại Hàng Bún và phố Yên Ninh tháng 12-1946 chứng tỏ thực dân Pháp đã sẵn sàng bước sang cuộc phiêu lưu quân sự mới.

Ngày 18 và 19-12-1946, thực dân Pháp đã liên tiếp gửi tối hậu thư đòi ta phải phá bỏ công sự trong thành phố và đòi để chúng kiểm soát, giữ gìn trật tự Hà Nội. Chúng tuyên bố sẽ hành động bằng sức mạnh quân sự nếu ta không thực hiện các yêu sách đó. Tình hình vô

cùng khẩn cấp, đòi hỏi ta phải đứng lên.

Ngày 18,19 tháng 12-1946. Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã nhận định tình hình và chỉ thị cho các địa phương "Tất cả hãy sẵn sàng". Chiều 19-12, Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị vũ trang sẵn sàng chiến đấu theo thời gian đã quy định.

20 giờ ngày 19-12-1946, mệnh lệnh chiến đấu bắt đầu. Quân dân Thủ đô đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Ngay khi tiếng súng kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền đi khắp cả nước. "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" cùng với những tư liệu khác như chỉ thị Toàn dân kháng chiến, Kháng chiến nhất định thắng lợi đã nêu bật những vấn đề căn bản nhất về đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là:

- Chỉ ra cuộc kháng chiến nhân dân ta đang tiến hành là sự tiếp nối con đường Cách mạng tháng Tám bằng hình thức chiến tranh cách mạng, chính nghĩa để bảo vệ độc lập và thống nhất dân tộc.

- Kháng chiến và kiến quốc liên quan mật thiết với nhau. Tiến hành kháng chiến, thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, đồng thời thực hiện nhiệm vụ dân chủ ; hai nhiệm vụ đó quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhưng nhiệm vụ dân tộc là cấp bách nhất, còn vấn đề ruộng đất sẽ được giải quyết dần dần phù hợp với yêu cầu của cuộc chiến tranh giải phóng. Cuộc kháng chiến của Việt Nam là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn diện. Sức mạnh của nó là tổng hợp sức mạnh của toàn dân, chiến đấu chống kẻ thù trên các mặt trận quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Cuộc chiến đấu sẽ diễn ra lâu dài. Trường kỳ kháng chiến là một phương châm chiến lược quân sự bảo đảm kháng chiến thắng lợi. Những phương châm chỉ đạo chung cho cuộc kháng chiến đã được cụ thể hóa, vận dụng trong công cuộc kháng chiến kiến quốc suốt thời kỳ từ 1946 đến 1954.

BÀI 2: **CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC: ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "TỐC CHIẾN, TỐC QUYẾT" CỦA THỰC DÂN PHÁP**

1. Âm mưu của thực dân Pháp

Cách đây 60 năm, Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp quyết định kết thúc chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chiến lược "Tốc chiến, tốc quyết". Kế hoạch tiến công Việt Bắc bao gồm hai cuộc hành binh lớn mang mật danh Lê A (Léa) và Clô Clô (Cloclo).

Cuộc hành binh Lê A là giai đoạn đầu, sử dụng hai gọng kìm bao vây Khu căn cứ Việt Bắc (gồm 5 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên). Binh đoàn Bô phrê (Baufré) là cánh quân phía đông xuất phát từ Lạng Sơn tiến lên Cao Bằng rồi vòng xuống hợp vây với cánh quân hướng tây, bắt liên lạc với cánh quân hướng tây, bắt liên lạc với cánh quân nhảy dù Xô-va-nhắc (Sauvagnac) ở Bắc Kạn. Binh đoàn đường thủy Com-muy-nan (Communal) là cánh quân phía tây, xuất phát từ Hà Nội ngược sông Hồng đến Việt Trì theo sông Lô lên Tuyên Quang rồi theo sông Gâm tiến lên gặp Binh đoàn Bô-phrê, bao vây Việt Bắc về phía tây. Hợp điểm của hai binh đoàn là Đại Thị. Tiếp đó sẽ là cuộc hành binh bước hai mang tên Clô Clô tập trung càn quét khu tam giác Bắc Kạn-Chợ Chu-Chợ Mới và phía tây đường số 3.

Lực lượng dự bị chiến dịch gồm các tiểu đoàn dù do Phô-xây Phô-răng-xoa (Foxy Francois) chỉ huy nằm ở sân bay Gia Lâm, sẵn sàng đổ bộ tiếp xuống nơi phát hiện có cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

Thực dân Pháp đã huy động hơn hai vạn quân tinh nhuệ gồm quân nhảy dù, bộ binh, pháo binh, công binh, thủy quân, không quân vào trận đánh quyết định này.

Đây là một cuộc tiến công chiến lược với tham vọng lớn nhằm chụp bắt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, tiêu diệt quân chủ lực ta, đánh bại chính phủ Hồ Chí Minh, lập chính phủ bù nhìn để thống trị nước ta.

2. Chủ trương của ta trong Thu Đông 1947

Từ đầu mùa thu 1947, việc chuẩn bị đối phó với một cuộc tiến công lớn có thể xảy ra bất cứ lúc nào đã được xúc tiến.

Ngày 15-9-1947, Hội nghị quân sự lần thứ tư và sau đó mười ngày, Hội nghị quân sự lần thứ 5 được triệu tập liên tiếp để nhận định âm mưu địch, phán đoán hướng tiến công của chúng và đề ra chủ trương, kế hoạch đối phó của ta.

Sau khi cuộc tiến công của địch bắt đầu với cuộc nhảy dù xuống Bắc Kạn (7-10-1947) và các cánh quân lớn của địch xuất hiện trên đường số 4 và trên sông Lô, ngày 14-10-1947, Thường vụ Trung ương Đảng họp, có Bác Hồ dự. Sau khi nghe báo cáo về âm mưu của địch và kiến nghị của Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp, Tổng bí thư Trường Chinh trình bày dự thảo chỉ thị của Thường vụ: "Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp".

Ngày 15-10-1947, chỉ thị được công bố. Bản chỉ thị chỉ rõ: "Địch yếu phải mạo hiểm"... "Cuộc tấn công này chỉ ào ạt lúc đầu". Nhiệm vụ của quân và dân Việt Bắc và cả nước là "làm cho địch thiệt hại nặng để không gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này"... "bắt địch chuyển sang thế thủ".

Cùng ngày 15, Bộ Tổng chỉ huy ra Huấn lệnh ĐB/101 nêu những nguyên tắc mới về tổ chức bộ đội và bố trí lực lượng, về nhiệm vụ của các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung.

Cũng trong ngày 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi quân và dân Việt Bắc ra sức đánh bại cuộc hành binh của địch, quân dân cả nước tích cực đánh địch để phối hợp với Việt Nam. Bác Hồ viết: "Địch hội quân ở Bắc Kạn tạo thành cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi cụp ô xuống, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phá cho được cơ quan đầu não của kháng chiến... Chúng mạnh ở hai gọng kìm, gọng kìm mà gãy, thì cái ô cụp xuống sẽ thành ô rách và cuộc tiến công thất bại" (3).

60 năm sau nhìn lại, ta thấy chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Thu Đông 1947 thật là dũng cảm và sáng suốt:

-**Thứ nhất:** Đánh giá đúng kẻ địch: Theo kinh nghiệm của ông cha ta, khi giặc tới ào ào như nước, như lửa thì không đáng sợ. Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: "Cuộc tiến công lần này của Pháp chứng tỏ địch không mạnh mà vì yếu nên phải mạo hiểm" (4).

-**Thứ hai:** Quyết tâm đánh thắng địch: Bác Hồ kêu gọi quân và dân Việt Bắc, quân và dân cả nước ra sức đánh thắng cuộc hành binh của địch. Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Phải phá cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp".

-**Thứ ba:** Có phương pháp đánh địch đúng: "Địch chỉ tiến công ồ ạt lúc đầu. Nếu ta thực hiện đánh địch khắp nơi, buộc chúng phải dàn mỏng lực lượng đối phó, chúng sẽ thất bại. Giữ gìn được chủ lực qua mùa Đông này là coi như thắng lợi. Nếu chuyển này chúng không thắng nhanh để kết thúc chiến tranh thì cục diện sẽ đổi mới có lợi cho ta" (5). Thường vụ nhất trí thực hiện ngay công thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" tổ chức ba mặt trận, cơ quan lãnh đạo ở lại khu căn cứ.

-**Thứ tư:** Trong lời kêu gọi của Bác, có một nhận định rất quan trọng và một lời tiên đoán tài tình: "Chúng mạnh ở hai gọng kìm. Gọng kìm mà gãy thì cái ô cụp xuống sẽ thành ô rách và cuộc tiến công thất bại". Lời tiên đoán này sẽ thành sự thực với chiến thắng Sông Lô.

3. Diễn biến trên các Mặt trận

* *Đánh quân nhảy dù ở Bắc Kạn*

Ngày 7-10-1947, quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn mở đầu cuộc tiến công lớn của địch. Cuộc nhảy dù nhằm chụp bắt cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Giặc Pháp lầm tưởng Bắc Kạn là thủ đô chính trị mới của ta. Bắt được cụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội Nguyễn Văn Tố, chúng lầm tưởng là bắt được Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi biết là nhầm chúng đã sát hại cụ Tố một cách dã man. Đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh lúc đó cũng có mặt tại Bắc Kạn, đang làm việc với Tỉnh ủy thì địch ném bom bắn phá phải tạm lánh xuống hầm. Sau đó địch nhảy dù xuống khu vực trú ẩn, chúng đi lại trên nóc hầm mà không phát hiện ra. Đến tối, đồng chí Trường Chinh cùng với cán bộ và đồng bào tìm đường thoát ra ngoài. Kinh nghiệm hoạt động bí mật đã giúp đồng chí Trường Chinh thoát hiểm. Đồng chí Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái cũng có mặt tại Bắc Kạn. Địch nhảy dù trong lúc đồng chí đang nói chuyện với bộ đội và học sinh quân trường Võ bị trên sân vận động thị xã. Học sinh quân và tiểu đoàn tân binh lần đầu gặp quân dù, mặc dù còn bỡ ngỡ lúng túng nhưng đã giết được hàng chục quân nhảy dù xuống cạnh nhà trường. Đơn vị cảnh vệ Bắc Kạn, đại đội độc lập huyện Bạch Thông, dân quân du kích Thanh Mai, Yên Định, Cao Hòa, tự vệ chiến đấu các binh công xưởng C4, C6 từ rừng núi tỏa ra đánh những tên địch nhảy dù bị lạc, bắn trả các toán quân địch lung sục. Đồng chí Hoàng Văn Thái từ Bắc Kạn trở về đã ghé vào các cơ sở sản xuất quân giới, quân y và đài dự bị Tiếng nói Việt Nam đôn đốc việc di chuyển gấp.

Sáng 9-10-1937, khi quân Pháp nhảy dù xuống Cao Bằng, đại đội trợ chiến của trung đoàn 74 bố trí trên đồi Thiên Văn đã bắn hạ chiếc máy bay Junker-52 chở một số sĩ quan tham mưu của Bộ chỉ huy Pháp đi thị sát chiến trường, trong đó có thiếu tá Lăm Be (Lambert) phó tham mưu trưởng quân đội Pháp miền Bắc Đông Dương. Trong sổ tài liệu thu được từ trên máy bay, có bản kế hoạch tiến công Việt Bắc kèm theo bản đồ. Ban chỉ huy trung đoàn 74 đã phá vỡ chiến sĩ liên lạc Nguyễn Danh Lộc chạy bộ liên tục bốn ngày, ba đêm xuyên rừng từ Cao Bằng về tới Yên Thông (Định Hóa-Thái Nguyên) đưa bản tài liệu vô giá này nộp lên Bộ Tổng tham mưu. Nhờ được kế hoạch của địch, Bộ Tổng chỉ huy có thêm cơ sở vững chắc để chỉ huy, điều hành cuộc phản công của ta. Đồng chí Nguyễn Danh Lộc và đại đội trợ chiến trung đoàn 74 được Bộ Tổng chỉ huy khen thưởng, đồng chí xạ thủ 12,7mm Nông Văn Diêu được Bác Hồ tặng thưởng bộ quần áo lụa của Người.

* *Mặt trận Sông Lô bẻ gãy gọng kìm phía Tây của cuộc hành binh*

Ngày 10 tháng 10 binh đoàn Com-muy-nan gồm 35 tàu chiến địch từ Hà Nội theo Sông Hồng tiến đến Việt Trì, chúng quặt vào Sông Lô. Ta đã có kế hoạch chuẩn bị đánh địch từ trước. Địa hình hiểm trở của Sông Lô rất thuận lợi cho việc đắp kè ngăn sông và phục kích bằng pháo binh. Tuy nhiên, khi binh đoàn Com-muy-nan hùng hổ ngược dòng Lô, pháo binh ta đã nhiều lần pháo kích chặn bước tiến của đoàn tàu địch Phan Dư (11-10), Đoàn Hùng (12-10), nhưng chưa đạt được kết quả bắn chìm tàu. Quân Pháp càng chủ quan ngênh ngang ngược dòng Lô. Đến địa đầu Tuyên Quang thì chúng bị trừng trị. Tại Bình Ca, ngày 12-10 tiểu đoàn 42 chủ lực của Bộ dùng ba-dô-ca do quân giới Việt Nam sản xuất bắn chìm một tàu LCVP. Đây là chiến công đầu tiên trên Sông Lô. Tiếp đó tiểu đoàn đánh bại cuộc tiến công đổ bộ của địch lên bến Bình Ca.

Pháo binh khu 10 rút kinh nghiệm các lần bắn trượt đã tìm ra một cách đánh sáng tạo, hiệu quả: "đặt gần, bắn thẳng, ngắm qua nòng", lập nên những chiến công mới xuất sắc: Khoan Bộ (23-10), Đoàn Hùng (24-10). Báo chí và đài phát thanh Pháp gọi đây là "Thảm họa Đoàn Hùng". Pháo binh ta đã bắn chìm hai tàu chiến địch, bắn trọng thương hai tàu khác. Gọng kìm đường thủy của địch bị chặt đứt 10 ngày, địch phải thả dù tiếp tế cho quân của chúng ở Tuyên Quang và Chiêm Hóa.

Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp ra lệnh đưa pháo lên đánh địch trên sông Gâm, bức địch rút khỏi Chiêm Hóa. Nơi đây dòng sông hẹp, nước sâu chảy xiết. Trung đội sơn pháo vừa chiến thắng ở Đoan Hùng lên bố trí phục kích ở ngã ba sông Gâm-sông Lô, nơi có lau sậy rậm rạp, trận đánh được đặt tên là trận Khe Lau.

Ngày 10-11, với 10 viên đạn, pháo binh ta bắn đắm 4 trong số 5 tàu địch trên đường từ Chiêm Hóa về Tuyên Quang, diệt hơn 100 tên địch, thu nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có 2 lựu pháo 105mm.

Ngày 19-11, công an và tự vệ thị xã Tuyên Quang đánh địa lôi diệt trên 100 địch tại ki-lô-mét số 7 đường Hà Tuyên. Địch gọi "Tuyên Quang là một nghĩa địa khổng lồ". Một tiểu đoàn quân Pháp đang tiến lên về phía Chiêm Hóa buộc phải quay trở lại.

Ngày 21-11, binh đoàn Com-muy-nan phải rút khỏi Tuyên Quang. Cuộc hợp vây của hai gọng kìm tại Đài Thị đã không diễn ra như địch dự kiến. Mặt trận sông Lô đã thực hiện xuất sắc lời kêu gọi của Bác Hồ, bẻ gãy gọng kìm phía tây của cuộc hành binh của địch.

** Mặt trận đường số 4*

Đoạn đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng uốn khúc giữa núi cao rừng rậm, rất thuận lợi cho ta phát huy cách đánh phục kích. Với việc đánh chiếm Cao Bằng và Bắc Kạn, đường số 4 đã trở thành con đường huyết mạch của địch, không phải chỉ trong thời gian chiến dịch mà còn lâu dài suốt quá trình địch còn chiếm đóng vùng biên giới Đông bắc nước ta.

Ngày 30-10, tiểu đoàn 374 đánh một trận thắng rất to, tiêu diệt một đoàn xe 30 chiếc của địch, phá hủy 27 xe, diệt 104 địch, bắt 101 tên, thu toàn bộ vũ khí, 600 chiếc dù và nhiều quân trang quân dụng. Đó là trận Bông Lau.

Các đại đội độc lập, dân quân du kích Cao Bằng, Lạng Sơn, các tiểu đoàn tập trung của hai tỉnh và của Bộ Tổng chỉ huy còn tiếp tục bám đánh địch làm cho con đường số 4 trở thành con đường máu của giặc Pháp kể từ ngày chúng lên Cao Bằng cho tới ngày ta giải phóng Biên Giới (1950).

** Mặt trận đường số 3*

Ngày 15-10, hai tiểu đoàn chủ lực của Bộ có một khẩu pháo phối hợp tiến công vào 200 quân địch đóng tại Chợ Mới. Ngày 21-10, một tiểu đoàn của Trung đoàn Thủ Đô tiến công một đại đội địch đóng tại Chợ Đồn. Trên đường Phủ Thông-Bắc Kạn, Chợ Mới-Bắc Kạn, địch liên tiếp bị phục kích tới 17 trận. Các trận đánh địa lôi trên đèo Gió, đèo Giàng đã cắt đứt đường tiếp tế của địch từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, địch phải dùng máy bay thả dù tiếp tế cho Bắc Kạn. Quân địch ở Bắc Kạn không dám lùng sục ra ngoài thị xã cho đến ngày chúng buộc phải rút lui khỏi Bắc Kạn.

Các chiến trường toàn quốc chiến đấu phối hợp với Việt Bắc.

Tiếng súng đánh địch ở Việt Bắc vang dội cả nước. Ở Hà Nội, Sài Gòn, những tên Việt gian Trương Đình Tri, Nguyễn Văn Sâm lăm le ra lập chính phủ bù nhìn bị giết ngay giữa thành phố. Cuộc tổng phá tề ở ngoại thành Hà Nội đã bắt giữ gần 300 tên tề gian ác.

Khu 5, Khu 6 đánh địch khá mạnh. Những trận tập kích ở Ninh Hòa, Trại Dầu, Cam Ranh gây cho địch nhiều tổn thất. Chiến sĩ Ngô Mây dùng bom diệt gọn một trung đội địch trên đường 19 và anh dũng hy sinh.

Ở Nam Bộ, quân và dân các tỉnh Bạc Liêu, Vĩnh Long, Cần Thơ, Mỹ Tho, Tân An, Biên Hòa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Lộc Ninh tập kích một số đồn bốt, kho tàng của địch, đánh chìm tàu chiến địch ở Gành Hào. Các nhân sĩ yêu nước ở Sài Gòn tuyên bố ủng hộ kháng chiến.

Thực dân Pháp đứng trước một tình hình bế tắc. Việt Bắc đánh không xong; đồng bằng Bắc bộ chưa chiếm được; Trung Trung Bộ, Nam Bộ, chiến tranh du kích nổi mạnh.

Từ cuối tháng 11-1947, địch phải rút quân khỏi Việt Bắc. Kế hoạch Clô Clô đã không diễn ra. Từ Bắc Kạn, Thái Nguyên sang Tuyên Quang, xuống đến Bắc Giang, Bắc Ninh, diễn

ra một quang cảnh thật hùng tráng: toàn dân đuổi giặc. Có những chị phụ nữ, những ông già tay không vũ khí hăm hở dẫn đường cho bộ đội vượt rừng tắt núi truy kích địch, thiếu niên làm giao thông liên lạc, nhân dân Khu Giải phóng Việt Bắc sống lại những ngày sôi nổi của Cách mạng Tháng Tám.

Ngày 19-12-1947, giữa chiến trường Việt Bắc còn vang dội tiếng súng truy kích địch, Bác Hồ tổng kết một năm kháng chiến toàn quốc. Người nói: "Lực lượng của chúng như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hồng hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ". "Lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến không có thoái".

Ngày 22-12-1947, tại thị xã Tuyên Quang, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp đọc Nhật lệnh trong Lễ mừng chiến thắng.

Cuộc tiến công chiến lược của thực dân Pháp lên Việt Bắc-Thu Đông 1947 thất bại. Chiến lược "Tốc chiến, tốc quyết" của thực dân Pháp bị phá sản.

Chiến thắng Việt Bắc 1947 đã đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sang một giai đoạn mới.

BÀI 3: **CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU ĐÔNG 1950: BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ**

Chiến dịch Biên giới Thu đông 1950 là một chiến dịch trong Chiến tranh Đông Dương do quân dân ta thực hiện từ ngày 16 tháng 9 đến 17 tháng 10 năm 1950, nhằm phá thế bị cô lập của căn cứ địa Việt Bắc, khai thông biên giới Việt-Trung để mở đầu cầu tiếp nhận viện trợ. Một mục tiêu khác nữa là mở rộng căn cứ địa và tiêu diệt một phần sinh lực quân đồn trú của Pháp, thử nghiệm các phương pháp đánh lớn.

1. Bối cảnh và tương quan lực lượng

Trong suốt 5 năm kháng chiến chống Pháp trong thế bị cô lập, nước ta tích cực mở rộng quan hệ nhằm tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế. Ngày 1 tháng 10 năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập và nhanh chóng công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến ngày 18 tháng 1 năm 1950, Liên Xô và các nước Đông Âu công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Uy tín và tiềm lực quân sự của quân và dân ta ngày càng tăng.

Cũng trong 5 năm đó, chúng ta cũng thông qua các tổ chức Việt kiều tại Pháp và các tổ chức thiên tả để đấu tranh chính trị, tác động mạnh đến phong trào phản đối cuộc chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao. Nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng chính trị chưa từng có. Chính quyền bù nhìn Quốc gia Việt Nam tỏ ra quá yếu ớt để có thể hỗ trợ chính quyền Pháp tại Đông Dương. Chính phủ Pháp buộc phải tính đến phương án chấp nhận các khoản viện trợ kinh tế và quân sự của chính phủ Mỹ để có thể theo đuổi cuộc chiến.

2. Mục tiêu của chiến dịch

Theo kế hoạch của tướng Georges Marie Joseph Revers, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, quân đội Pháp ở Đông Dương thực hiện chủ trương xem Bắc Bộ là chiến trường chính, chiếm rộng đồng bằng, củng cố biên giới, đồng thời ra sức tăng viện, ra sức tổ chức quân đội quốc gia bản xứ để làm giảm ảnh hưởng và thu hẹp khả năng kiểm soát của lực lượng Việt Minh; cụ thể hóa bằng cách tăng cường lực lượng trên chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, tổ chức một hệ thống phòng ngự mới dựa vào những cứ điểm lớn và những binh đoàn ứng chiến lớn, tăng cường phi cơ và trọng pháo để chống lại các cuộc tấn công của quân Việt Minh. Trong lúc đó, mở những cuộc càn quét liên tiếp dữ dội ở trong vùng địch hậu, nhất là ở Nam Bộ để củng cố chỗ đứng chân.

Để lấy lại thế chủ động, Pháp thực hiện tăng cường hệ thống phòng ngự đường số 4,

khoá biên giới Việt-Trung: cô lập căn cứ địa Việt Minh với bên ngoài, thiết lập hành lang Đông-Tây, cô lập Việt Bắc với đồng bằng Bắc bộ, chuẩn bị lực lượng để tấn công Việt Bắc lần 2 để tiêu diệt đầu não của ta.

Tuy vậy, có thể thấy rằng sau 5 năm chiến tranh, quân Pháp tại Đông Dương càng ngày càng sa lầy vào thế phòng ngự. Bên cạnh đó, tuy có phát triển lực lượng bản xứ, nhưng lại có chất lượng quá ít, nên gần như không thể đảm trách được các nhiệm vụ quân sự thay cho quân Pháp.

Chúng ta đã sớm nhận định đúng ý đồ của Pháp, nhanh chóng vạch kế hoạch chủ động tấn công để mở cửa biên giới, khai thông bàn đạp để nhận viện trợ của Trung Quốc, Liên Xô và khối xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó cũng tiêu diệt một bộ phận sinh lực đối phương, mở rộng ảnh hưởng và địa bàn căn cứ địa.

3. Diễn biến

Ngày 16 tháng 9 năm 1950, trung đoàn 174 và trung đoàn 209 của quân ta chủ động đánh chiếm cứ điểm Đông Khê với mục đích cô lập Cao Bằng, uy hiếp cứ điểm Thất Khê và phá thế trận phòng thủ của quân Pháp trên đường số 4. Đông Khê do hai đại đội lính Lê Dương thuộc tiểu đoàn 2 trung đoàn 3 lê dương trấn giữ. Đến ngày 18, cứ điểm Đông Khê hoàn toàn thất thủ, mặc dù đã được không quân yểm trợ.

Pháp nhanh chóng điều động quân đội ở Bắc Bộ thực hiện cuộc "hành quân kếp":

- * một cánh do trung tá Le Page chỉ huy hành quân từ Thất Khê lên nhằm chiếm lại cứ điểm Đông Khê mở lại đường số 4 và thu hút chủ lực của quân Việt Minh;

- * một cánh do trung tá Charton chỉ huy rút từ Cao Bằng xuống gặp Le Page ở Đông Khê.

Tuy nhiên, quân ta đã sớm bố trí các thế trận chờ sẵn. Đại đoàn 308 đã chiếm các điểm cao quan trọng ở các ngọn núi Ngọc Trà và Khâu Luông, từ đó khống chế được Đông Khê và đường số 4. Ngày 1 tháng 10, các trận địa mai phục của đại đoàn 308 liên tục đánh thiệt hại và làm tiêu hao cánh quân của Le Page. Đến ngày 4 tháng 10 tiểu đoàn dù lê dương số 1 và Tabor của Pháp đã bị thiệt hại nghiêm trọng và buộc phải rút chạy khỏi Khâu Luông chạy về cố thủ với nửa binh đoàn còn lại ở thung lũng Cốc Xá, cách Đông Khê 6 km về phía Tây Nam để đợi cánh quân của Charton rút về từ Cao Bằng.

Trung đoàn 209 (trung đoàn Sông Lô) của ta đã hành quân lên Quang Liệt, phía Bắc Đông Khê để chặn đánh binh đoàn Charton. Ngày 6 tháng 10, cánh quân của Charton cũng đến được Cốc Xá và bắt liên lạc được với Le Page. Đại đoàn 308 lập tức bao vây chặt Cốc Xá và điểm cao 477. Trung đoàn 209 chặn ở phía Bắc. Phía Nam, trung đoàn 174 chốt chặn đường rút ở Cốc Tồn - Khâu Pia. Sáng sớm ngày 6 tháng 10, trung đoàn 36 bắt đầu tấn công Cốc Xá và đến buổi trưa thì gần như toàn bộ binh đoàn Le Page đã bị xoá sổ chỉ còn 650 trên tổng số 2500 người, số ít còn lại cố chạy sang điểm cao 477 cùng với chỉ huy Le Page. Nhưng tại 477, 5 tiểu đoàn của đại đoàn 308 và của trung đoàn 209 đã vây chặt quân Charton. Hai bên dành nhau quyết liệt tại các điểm cao ở đây. Đến chiều, binh đoàn Charton trở nên rối loạn khi biết tin binh đoàn Le Page đã bị xoá sổ. Charton đã tập hợp những người còn sống sót rút khỏi 477 mở đường máu về Nà Cao, nhưng đến chiều thì bị bắt làm tù binh cùng với toàn bộ ban tham mưu.

Những quân lính còn lại của Le Page cùng với chỉ huy của mình mất liên lạc với Charton đã tìm cách rút theo đường rừng để về Thất Khê nhưng đến sang ngày 8 tháng 10, Le Page cũng đã bị các quân sĩ của trung đoàn 88 đại đoàn 308 bắt làm tù binh cùng với các sĩ quan tham mưu của mình.

Tính đến ngày 8 tháng 10, quân Việt Minh đã loại khỏi vòng chiến đấu 8 tiểu đoàn quân Pháp, làm sụp đổ kế hoạch phòng thủ biên giới.

Trước nguy cơ Thất Khê sẽ lại bị tiêu diệt như Đông Khê, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp đã ra lệnh rút khỏi Thất Khê trong rối loạn và phải chịu những tổn thất nặng nề khi bị 4 tiểu đoàn của đại đoàn 308 cùng toàn bộ trung đoàn 174 (Cao Bắc Lạng) truy kích.

Ở các địa phương khác, quân ta liên tục quấy rối, không cho quân Pháp thực hiện các cuộc chuyển quân tiếp viện cho mặt trận Cao-Bắc-Lạng. Đến ngày 17 tháng 10, quân dân ta chủ động kết thúc chiến dịch.

Dưới sự uy hiếp của quân dân ta và sự hoang mang của bộ chỉ huy Pháp, đến ngày 22 tháng 10 năm 1950, quân Pháp phải rút bỏ hoàn toàn khỏi các cứ điểm còn lại trên đường 4 như Thất Khê, Na Sầm, Đồng Lập, Lạng Sơn... với thiệt hại rất nặng về trang bị. Chẳng hạn quân Pháp đã bỏ lại nguyên vẹn ở Lạng Sơn cho quân ta một số lượng vũ khí đủ để trang bị cho một đại đoàn.

4. Kết quả

Quân ta đã đạt được toàn bộ mục tiêu đề ra, thành công hoàn toàn trong chiến dịch, loại khỏi vòng chiến đấu 8.300 lính đối phương, thu 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh; khai thông biên giới Việt-Trung (từ Cao Bằng đến Đình Lập), mở rộng địa bàn kiểm soát lên đến 4000km² và 35 vạn dân. (Chỉ tính số đất về tay Việt Nam dọc RC4, chưa tính hàng loạt các vùng du kích được mở rộng khi đánh mạnh phối hợp với quân chính quy).

Vành đai đồn bốt Pháp thực hiện sau năm 1947 để bao vây Việt Bắc đã được phá hủy hoàn toàn. Chiến dịch Biên Giới nối tiếp hàng loạt các nỗ lực thực hành đánh công kiên xung quanh Việt Bắc, từ Lào Cai, Yên Bái (đồn Phố Lu) cho đến Lạng Sơn, Quảng Ninh (các đồn An Châu, Phố Ràng...). Sau chiến dịch này, quân dân ta hoàn toàn thoát khỏi thế bao vây, thành lập nhóm cơ động gồm các đại đoàn mạnh, mở nhiều cuộc tiến công lớn xa căn cứ Việt Bắc, giành quyền chủ động từ tay quân Pháp.

Chiến dịch khai thông một đoạn biên giới dài, nối Việt Bắc với các đồng minh lớn thành một dải liên tục đến tận châu Âu. Hàng loạt các đồng minh quan trọng nhất công nhận Việt Nam công khai ngay thời điểm này. Mất quyền chủ động quân sự, Pháp cũng mất quyền chủ động về ngoại giao, chính trị.

Nối với các đồng minh lớn cũng mở đường xây dựng một đội quân chính quy, hùng hậu, trang bị hiện đại để kết thúc chiến tranh. Ngay sau chiến dịch, những đợt hàng viện trợ đầu tiên đã vượt biên giới, ban đầu chỉ là vũ khí phương Tây mà Việt Nam quen dùng, chiến lợi phẩm của các đồng minh. Sau này là những vũ khí, khí tài hiện đại dần dần thay thế trang bị cho Quân Đội Nhân Dân Việt Nam.

Đây là chiến dịch đầu tiên mà quân dân ta chủ động tấn công, làm thay đổi cục diện chiến trường: bắt đầu giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ. Quân Pháp thất bại lớn cả về quân sự và chính trị, bị đẩy lùi vào thế phòng ngự bị động. Chiến dịch này có ý nghĩa bản lề quan trọng, là bước ngoặt của cuộc chiến tranh.

BÀI VIẾT CHỈ CÓ TÍNH CHẤT THAM KHẢO